

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

¹ Áp dụng phương pháp đạt/không đạt.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Năng lực tài chính, kinh nghiệm nhà thầu (Nhà thầu nộp Giấy phép thành lập và hoạt động, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các tài liệu khác liên quan để cung cấp thông tin chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của nhà thầu)		
1.1	Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm	Nhà thầu phải có giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp. Trong đó có nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại. <i>Trường hợp liên danh từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu.</i>	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung).
1.2	Vốn chủ sở hữu tính đến thời điểm 31/12/2024	- Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được cấp phép trước ngày 01/01/2023: vốn chủ sở hữu tối thiểu 300 tỷ đồng. - Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được cấp phép kể từ ngày 01/01/2023: vốn chủ sở hữu tối thiểu 400 tỷ đồng. <i>Trường hợp liên danh từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu.</i>	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung).
1.3	Kết quả hoạt động tài chính tính đến thời điểm 31/12/2024	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. <i>Trường hợp liên danh từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu.</i>	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung).
2	Phạm vi bảo hiểm		
2.1	Phạm vi bảo hiểm	Đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Mục 3.1, Chương V, Phần 2 E-HSMT.	Không có Bảng chào phạm vi bảo hiểm hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
			tại Mục 3.1, Chương V Phần 2 E-HSMT.
2.2	Bảng chào phí bảo hiểm	Có Bảng chào phí bảo hiểm đầy đủ những nội dung như Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.	Không có Bảng chào phí bảo hiểm hoặc có nhưng không đầy đủ nội dung theo quy định tại Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.
2.3	Phí bảo hiểm	Theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 và Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.	Không theo quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 và Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.
2.4	Mức khấu trừ	Theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 và Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.	Không theo quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 và Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.
3	<p>Chương trình tái bảo hiểm</p> <p>- Trong trường hợp nhà thầu giữ lại 100% giá trị tài sản bảo hiểm, nhà thầu không cần kê khai nội dung tại các điểm 3.1, 3.2 và 3.3 bên dưới này nhưng phải kèm theo thuyết minh cụ thể về chương trình thu xếp giữ lại của mình cho gói thầu, đáp ứng yêu cầu sau:</p> <p>+ Mức giữ lại của nhà thầu $\leq 10\%$ vốn chủ sở hữu của nhà thầu tính đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>+ Trường hợp liên danh thì mức giữ lại của liên danh $\leq 10\%$ vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh tính đến thời điểm đóng thầu.</p>		
3.1	<p>Chương trình tái bảo hiểm</p> <p>- Nêu chi tiết tên từng nhà tái bảo hiểm (có chức năng theo quy định của pháp luật) và tỷ lệ tái bảo hiểm của nhà tái bảo hiểm.</p> <p>+ Nếu sử dụng nhà tái bảo hiểm trong nước thì nhà tái bảo hiểm phải có Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>	Đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung).

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	<p>tại Việt Nam đáp ứng như qui định Điều 11, Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023.</p> <p>+ Nếu sử dụng nhà tái bảo hiểm nước ngoài thì nhà tái bảo hiểm phải đáp ứng quy định Điều 33, Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023.</p> <p>- Hình thức tái bảo hiểm (tái bảo hiểm tạm thời / tái bảo hiểm cố định).</p> <p>- Nêu tỷ lệ giữ lại của nhà thầu cho gói thầu này (Nhà thầu phải đảm bảo mức giữ lại đáp ứng $\leq 10\%$ vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 33, Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023. Trường hợp liên danh thì mức giữ lại của liên danh $\leq 10\%$ vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh).</p> <p>- Thu xếp đủ 100% mức trách nhiệm của gói thầu</p>		
3.2	<p>- Sử dụng tái bảo hiểm tạm thời: Có bản chào tái bảo hiểm của nhà tái bảo hiểm đứng đầu thực hiện tái bảo hiểm (bản gốc/bản chụp có chứng thực hoặc công chứng hợp lệ) theo đúng Chương trình tái bảo hiểm đã trình bày trong E-HSDT cho gói thầu (theo đúng tên nhà thầu, tỷ lệ tái bảo hiểm, mức giữ lại...). Hiệu lực của bản</p>	Đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	<p>chào tái bảo hiểm tối thiểu bằng hiệu lực của E-HSDT, hoặc:</p> <p>- Sử dụng hợp đồng tái bảo hiểm cố định: Có bản thỏa thuận hoặc hợp đồng tái bảo hiểm cố định với nhà tái bảo hiểm hoặc bản xác nhận của nhà tái bảo hiểm (bản gốc/bản chụp có chứng thực hoặc công chứng hợp lệ) đối với hợp đồng tái bảo hiểm (nêu rõ thời gian tái bảo hiểm, giá trị tái bảo hiểm)</p> <p>Trường hợp liên danh thì mỗi thành viên liên danh phải cung cấp thỏa thuận hoặc hợp đồng hoặc bản xác nhận hợp đồng như nêu trên.</p>		
3.3	<p>Bản cam kết về việc:</p> <p>(i) Thực hiện tái bảo hiểm theo đúng yêu cầu tái bảo hiểm đã trình bày trong E-HSDT cho gói thầu (theo đúng tên nhà thầu, tỷ lệ tái bảo hiểm, mức giữ lại, xếp hạng, ...)</p> <p>(ii) Chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu không thực hiện tái bảo hiểm theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSDT.</p>	Đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)
4	Quy trình tổ chức thực hiện gói thầu, phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
4.1	<p>Quy trình tổ chức thực hiện gói thầu, phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu gói thầu. - Sơ đồ thể hiện quy trình. - Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên liên quan: Người mua bảo hiểm (Người được bảo hiểm) – Công ty bảo hiểm – Công ty giám định độc lập - Gia hạn hiệu lực hợp đồng khi có yêu cầu của Người được bảo hiểm. 	Có đầy đủ theo yêu cầu	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)
4.2	Hướng dẫn phương thức, biểu mẫu, hồ sơ thủ tục giải quyết khiếu nại, đòi bồi thường cho khách hàng (liên quan đến quá trình giải quyết bồi thường bảo hiểm)	Có đề xuất đáp ứng đầy đủ	Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ các nội dung yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)
4.3	Thời hạn giải quyết bồi thường kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị bồi thường đầy đủ và hợp lệ	≤ 30 ngày	> 30 ngày
4.4	Thời hạn hoàn thành giám định và có kết luận cuối cùng về tổn thất (kể từ ngày nhận được thông báo tổn thất công trình xây dựng)	≤ 15 ngày	> 15 ngày
4.5	Đề xuất công ty giám định độc lập có năng lực phù hợp cho gói thầu.	≥ 03 Công ty giám định độc lập	< 03 công ty giám định độc lập

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
4.6	Điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất xảy ra	$\geq 50\%$ giá trị tổn thất ước tính	$< 50\%$ giá trị tổn thất ước tính
5	Cam kết thực hiện hợp đồng		
	Bản cam kết thực hiện hợp đồng bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng và lắp đặt cho gói thầu phù hợp với các quy định với Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022; Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023; Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023, Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 và các quy định pháp luật hiện hành	Có cam kết đầy đủ theo yêu cầu	Không có cam kết (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)
6	Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu		
	Do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC(*) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu. <i>(Thời điểm đánh giá phải đáp ứng tối thiểu sau 20 ngày kể từ ngày đăng tải trên hệ thống hệ thống mạng, nếu có)</i> <i>(*) Danh sách các đơn vị thành viên theo Điều lệ của EVNCPC tại thời điểm đánh giá hợp đồng.</i>	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hoặc có ít hơn 03 hợp đồng vi phạm dịch vụ bảo hiểm	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, nhà thầu có từ 03 hợp đồng trở lên vi phạm dịch vụ bảo hiểm
KẾT LUẬN		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn nêu trên được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn trên thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo	

Lưu ý:

Sau bước đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III, trường hợp có nhiều nhà thầu trở lên có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và bằng nhau thì việc xếp hạng nhà thầu sẽ được xác định trên cơ sở thứ tự ưu tiên sau:

1. Ưu tiên 1: Chủ đầu tư xử lý tình huống theo khoản 18, Điều 140, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

(Trường hợp giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) đạt giới hạn được phép giảm phí bảo hiểm theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 thì Chủ đầu tư không áp dụng điểm g và h, khoản 18, Điều 140, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025)

Sau đánh giá Ưu tiên 1, nếu không có nhà thầu nào đáp ứng các điều kiện ưu tiên trao thầu thì các nhà thầu được đánh giá theo Ưu tiên 2. Trường hợp có các nhà thầu đáp ứng Ưu tiên 1 nhưng không xác định được nhà thầu để trao thầu thì chỉ các nhà thầu đáp ứng Ưu tiên 1 được đánh giá theo Ưu tiên 2.

2. Ưu tiên 2: Nhà thầu chào điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất xảy ra cao hơn được xếp hạng cao hơn.

Sau đánh giá Ưu tiên 2, nếu không lựa chọn được một nhà thầu xếp hạng cao nhất, thì các nhà thầu cùng mức sau đánh giá Ưu tiên 2 được đánh giá theo Ưu tiên 3.

3. Ưu tiên 3: Nhà thầu chào chi phí đề phòng, hạn chế tổn thất với giá trị cao hơn được xếp hạng cao hơn.

Sau khi đánh giá Ưu tiên 3, nếu không lựa chọn được một nhà thầu xếp hạng cao nhất, thì các nhà thầu cùng mức đánh giá Ưu tiên 3 được đánh giá theo Ưu tiên 4.

4. Ưu tiên 4: Nhà thầu có dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của năm tài chính gần nhất cao hơn được xếp hạng cao hơn. Trường hợp liên danh, chỉ xét thành viên đứng đầu liên danh.